

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/HSPT

Ngày: 30-11-2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thị Minh Hương

Ông Võ Đình Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào; Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 123/2017/TLPT-HS ngày 23-10-2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu K, do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại; đối với bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 29-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu K**, (tên gọi khác *Xoáy*), sinh ngày 19-4-1989; tại tỉnh Ninh Thuận; Nơi ĐKKTTT: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: (nhà trọ) số 21 đường D, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo Thiên chúa; Quốc tịch Việt nam. Con ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; Con bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1962; hiện cư trú: 21 đường Đ, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ Hứa Thị Thúy, sinh năm 1992 (đang sống ly thân), có 01 con, sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. **Có mặt.**

Người bị hại kháng cáo:

Anh **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: số 56a đường C, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 18-4-2017, bị cáo Khiêm đi bộ từ quán Internet Thanh Trà lên hẻm N để mua đồ ăn. Khi đi đến đầu hẻm, bị cáo phát hiện có 01 xe mô tô hiệu Daehan biển số 49T9-7271 của anh S đang dựng sát Cửa hàng vật

liệu xây dựng Hiếu L (số 116 N) không có người trông coi; bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này và đi đến ngồi lên xe, dùng tay lắc tay lái xe thấy xe không khóa cổ, bị cáo dùng chìa khóa dẹt của bị cáo (*chìa khóa xe cũ của bị cáo*), cắm vào ổ khóa vặn mạnh thì mở được khóa điện; bị cáo dắt xe ra ngoài và đẩy xe xuống đường H sau đó khởi động xe rồi chạy về phòng trọ tại số 21 đường D, phường 8 cất giấu. Đến khoảng 15 giờ ngày 19-4-2017, khi bị cáo đang điều khiển xe mô tô đã trộm cắp đi trên đường N tìm người để bán xe thì bị Công an thành phố Đ phát hiện, thu giữ xe.

Cơ quan điều tra trưng cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị tài sản xe mô tô trộm cắp trị giá 4.500.000đ; sau đó xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu anh S, nay bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án số 125/2007/HSST ngày 29-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 01-9-2017 bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 03-9-2017 người bị hại anh S kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo khai nhận như bản án sơ thẩm quy kết, không thắc mắc khiếu nại đối với bản án sơ thẩm; đồng thời giữ nguyên kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Người bị hại anh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Khoảng 16 giờ 30 ngày 18-4-2017, bị cáo K đi bộ đến hẻm N thấy xe mô tô hiệu Daehan biên số 49T9-7271 của anh S đang dựng sát Cửa hàng vật liệu xây dựng Hiếu L không có người trông coi, bị cáo trộm cắp chiếc xe này mang về phòng trọ cất giấu; đến khoảng 15 giờ ngày 19-4-2017, khi bị cáo điều khiển xe mô tô đã trộm cắp để tìm người để bán xe thì bị phát hiện, thu giữ xe. Đối chiếu lời khai bị cáo, bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá trong tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

2. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội tại

địa phương, đặc biệt tình trạng trộm cắp xe mô tô xảy ra tại thành phố Đ hiện nay nổi cộm. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; bị cáo “*thành khẩn khai báo*” quy định các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; người bị hại anh S đề nghị giảm nhẹ, nên áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo đề nghị được áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không chấp nhận. Bởi lẽ, việc áp dụng được áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự sẽ gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K, kháng cáo của người bị hại anh Nguyễn Hoàng S; giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA thành phố Đà Lạt (02)
- VKS thành phố Đà Lạt (1)
- Công an thành phố Đà Lạt (1)
- Chi cục THADS Đà Lạt (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1)
- Bị cáo; người bị hại (*để thi hành*)
- Lưu hồ sơ; Ấn văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Đồng

